PHỤ LỤC II

VỊ TRÍ, SỐ LÔ, KÍCH THƯỚC, DIỆN TÍCH, GIÁ KHỞI ĐIỂM, TIỀN ĐẶT TRƯỚC, HỒ SƠ, BƯỚC GIÁ CÁC LÔ ĐẤT TẠI KHU DÂN CƯ XÃ MỸ THỌ, HUYỆN PHÙ MỸ

(Kèm theo Thông báo số 45/TB-ĐG ngày 08/5/2025 của Doanh nghiệp đấu giá tư nhân Quốc Thịnh)

Thời gian bán và nhận hồ sơ: Từ ngày ra thông báo đến trước 16h00 ngày 28/5/2025

Thời gian tổ chức đấu giá: Từ 13h30 ngày 31/5/2025 tại Nhà văn hóa xã Mỹ Thọ, huyện Phù Mỹ

STT	Ký hiệu lô đất	Tờ bản đồ	Kích thước (m2)		Diện tích	Giá khởi điểm (đồng)		Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hồ sơ đấu giá (đồng)	Bước giá (đồng)	Ghi chú
			Dài	Rộng		đ/m2	Thành tiền				
C	**Quỹ dất do UBND xã Mỹ Thọ quản lý**				**3,627.1**		**9,706,736,000**				
I	**KDC thôn Chánh Trạch 3, phía Nam đường từ ngã ba Tây Bình đi ngã tư Tân Phụng**				**1,843.5**		**4,936,880,000**	**987,100,000**			
I.1	**Mặt hướng Bắc, đường từ ngã ba Tây Bình đi ngã tư Tân Phụng quy hoạch lộ giới 10m**				**1,266.0**		**3,364,400,000**	**672,800,000**			
1	**1**	5			201.0	2,600,000	522,600,000	104,500,000	100,000	20,000,000	
2	**2**	5			217.5	2,600,000	565,500,000	113,100,000	100,000	20,000,000	
3	**3**	5			217.5	2,600,000	565,500,000	113,100,000	100,000	20,000,000	
4	**4**	5	30	7	210.0	2,600,000	546,000,000	109,200,000	100,000	20,000,000	
5	**5**	5	20	7	140.0	2,600,000	364,000,000	72,800,000	100,000	12,000,000	
6	**6**	5	20	7	140.0	2,600,000	364,000,000	72,800,000	100,000	12,000,000	
7	**7**	5	20	7	140.0	3,120,000	436,800,000	87,300,000	100,000	15,000,000	Lô góc
I.2	**Mặt hướng Đông, đường bê tông 3m**				**577.5**		**1,572,480,000**	**314,300,000**			
8	**8**	5	21	7	147.0	2,600,000	382,200,000	76,400,000	100,000	12,000,000	
9	**9**	5	21	7	147.0	2,600,000	382,200,000	76,400,000	100,000	12,000,000	
10	**10**	5	21	7	147.0	2,600,000	382,200,000	76,400,000	100,000	12,000,000	
11	**11**	5	21	6.5	136.5	3,120,000	425,880,000	85,100,000	100,000	15,000,000	Lô góc

STT	Ký hiệu lô đất	Tờ bản đồ	Kích thước (m2)		Diện tích	Giá khởi điểm (đồng)		Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hồ sơ đấu giá (đồng)	Bước giá (đồng)	Ghi chú
			Dài	Rộng		đ/m2	Thành tiền				
II	**KDC thôn Chánh Trạch 3, phía Bắc đường từ ngã ba Tây Bình đi ngã tư Tân Phụng**				**1,783.6**		**4,769,856,000**	**953,200,000**			
II.1	**Mặt hướng Bắc, đường quy hoạch 3,5m**				**891.8**		**2,384,928,000**	**476,600,000**			
12	**1**	5	18.20	7.0	127.4	2,600,000	331,240,000	66,200,000	100,000	12,000,000	
13	**2**	5	18.20	7.0	127.4	2,600,000	331,240,000	66,200,000	100,000	12,000,000	
14	**3**	5	18.20	7.0	127.4	2,600,000	331,240,000	66,200,000	100,000	12,000,000	
15	**4**	5	18.20	7.0	127.4	2,600,000	331,240,000	66,200,000	100,000	12,000,000	
16	**5**	5	18.20	7.0	127.4	2,600,000	331,240,000	66,200,000	100,000	12,000,000	
17	**6**	5	18.20	7.0	127.4	2,600,000	331,240,000	66,200,000	100,000	12,000,000	
18	**7**	5	18.20	7.0	127.4	3,120,000	397,488,000	79,400,000	100,000	12,000,000	Lô góc
II.2	**Mặt hướng Nam, đường từ ngã ba Tây Bình đi ngã tư Tân Phụng quy hoạch lộ giới 10m**				**891.8**		**2,384,928,000**	**476,600,000**			
19	**8**	5	18.20	7.0	127.4	3,120,000	397,488,000	79,400,000	100,000	12,000,000	Lô góc
20	**9**	5	18.20	7.0	127.4	2,600,000	331,240,000	66,200,000	100,000	12,000,000	
21	**10**	5	18.20	7.0	127.4	2,600,000	331,240,000	66,200,000	100,000	12,000,000	
22	**11**	5	18.20	7.0	127.4	2,600,000	331,240,000	66,200,000	100,000	12,000,000	
23	**12**	5	18.20	7.0	127.4	2,600,000	331,240,000	66,200,000	100,000	12,000,000	
24	**13**	5	18.20	7.0	127.4	2,600,000	331,240,000	66,200,000	100,000	12,000,000	
25	**14**	5	18.20	7.0	127.4	2,600,000	331,240,000	66,200,000	100,000	12,000,000	